

Qǐng jiāng shēngcí hàn duìyìng de jiěshì jìnxíng liánxiàn

請將生詞和對應的解釋進行連線

---

fúyáozhíshàng

扶搖直上

•

Yízhǒng hěn qiáng hěnzhi de fēng

• 一種很強很直的風

lìhài

厲害

•

Bǐyù shìwù fāzhǎn xùnsù

• 比喻事物發展迅速

fúyáo

扶搖

•

Bǐyù gāoqiáng de yìsi

• 比喻高強的意思